

Số: 100 /KLV1-NV2
V/v dự báo khí tượng bảo vệ rừng và
sản xuất lâm nghiệp

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 5 năm 2023

Kính gửi:

Chi cục Kiểm lâm các tỉnh Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Dương, Hải Phòng.

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH THỜI TIẾT

Theo dự báo của Trung tâm khí tượng thủy văn Quốc gia, thời tiết từ ngày 02/5 - 08/5/2023 cụ thể như sau:

1. Nhiệt độ

- Các tỉnh phía tây Bắc Bộ có nhiệt độ trung bình:

+ Cao nhất: 37,8 °C;

+ Thấp nhất: 19,1 °C.

- Các tỉnh phía đông Bắc Bộ có nhiệt độ trung bình:

+ Cao nhất: 34,7°C;

+ Thấp nhất: 24,1 °C.

2. Độ ẩm

Độ ẩm trung bình 7 ngày trong tuần của các tỉnh trong vùng ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ (trung bình từ 41,3 % - 84,1 %).

3. Mưa

Hầu hết các khu vực trong vùng, trong tuần đều không mưa. Tuy nhiên một số khu vực trong tuần có ngày có mưa.

II. DỰ BÁO BẢO VỆ RỪNG VÀ SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP

1. Dự báo phòng cháy, chữa cháy rừng

Trong tuần một số khu vực như: Mường Lay, Tuần Giáo, TP Điện Biên Phủ (Điện Biên); Mường La, Phù Yên (Sơn La); TP Lào Cai, Bắc Hà, Bảo Yên (Lào Cai); Ba Bể (Bắc Kạn); trong tuần cấp dự báo cháy rừng từ cấp IV (Cấp nguy hiểm, nguy cơ cháy rừng cao, nếu xảy ra cháy, lửa dễ lan nhanh) đến cấp V (Cấp cực kỳ nguy hiểm, nguy cơ cháy rừng rất lớn và lan tràn nhanh trên tất cả các loại rừng).

Chi tiết Cấp dự báo PCCCR cho từng khu vực

| STT | TỈNH | KHU VỰC | Cấp dự báo PCCCR từ ngày 02/5/2023 - 08/5/2023 | | | | | | |
|-----|-------------|--------------------------------------|--|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| | | | Ngày 02 | Ngày 03 | Ngày 04 | Ngày 05 | Ngày 06 | Ngày 07 | Ngày 08 |
| 1 | Lai Châu | Mường Tè | I | I | II | III | IV | IV | IV |
| 2 | | Sìn Hồ | I | I | I | II | III | III | III |
| 3 | | TP. Lai Châu | I | I | I | II | III | III | III |
| 4 | | Than Uyên | I | II | III | IV | IV | IV | IV |
| 5 | Điện Biên | Mường Lay | II | I | II | III | V | V | V |
| 6 | | Tuần Giáo | II | II | IV | V | V | V | V |
| 7 | | Pha Đin | I | I | II | III | IV | IV | IV |
| 8 | | TP Điện Biên Phủ | II | II | IV | V | V | V | V |
| 9 | Sơn La | Quỳnh Nhai | II | II | III | IV | IV | IV | IV |
| 10 | | Mường La | II | III | IV | IV | IV | V | V |
| 11 | | TP. Sơn La | I | II | III | III | IV | IV | I |
| 12 | | Sông Mã | II | II | III | IV | IV | IV | IV |
| 13 | | Cò Nòi | II | III | III | IV | IV | IV | I |
| 14 | | Yên Châu | II | III | III | IV | IV | IV | I |
| 15 | | Bắc Yên | II | II | III | III | IV | IV | IV |
| 16 | | Phù Yên | II | II | III | IV | IV | IV | IV |
| 17 | | Mộc Châu | I | I | II | III | III | III | III |
| 18 | Lào Cai | TP. Lào Cai | I | II | III | V | V | V | V |
| 19 | | Bắc Hà | I | I | II | III | V | V | V |
| 20 | | Sa Pa | I | I | I | I | II | II | II |
| 21 | | Bảo Yên | I | II | III | V | V | V | V |
| 22 | Yên Bái | Mù Cang Chải | I | I | II | II | III | III | I |
| 23 | | TP. Yên Bái | I | II | II | III | III | I | I |
| 24 | | Văn Chấn | I | II | III | IV | IV | I | I |
| 25 | | Lục Yên | I | II | II | III | III | I | I |
| 26 | Hà Giang | TP. Hà Giang, Vị Xuyên | I | I | II | III | III | IV | I |
| 27 | | Quản Bạ, Yên Minh, Đồng Văn, Mèo Vạc | I | I | II | III | III | IV | I |
| 28 | | Hoàng Su Phì, Xín Mần | I | I | II | III | III | III | I |
| 29 | | Bắc Mê | I | II | II | III | IV | IV | IV |
| 30 | | Bắc Quang, Quang Bình | I | I | II | III | III | IV | I |
| 31 | Tuyên Quang | TP. Tuyên Quang | I | II | III | III | IV | I | I |
| 32 | | Hàm Yên | I | II | III | III | IV | I | I |
| 33 | | Chiêm Hóa | I | II | III | III | IV | I | I |
| 34 | Bắc Kạn | Ba Bể | V | V | V | V | V | V | V |
| 35 | | Ngân Sơn, Pác Nặm, | II | II | III | III | IV | I | I |

| | | | | | | | | | |
|----|-------------|--|-----|----|-----|-----|-----|-----|-----|
| | | Na Rì. | | | | | | | |
| 36 | Bắc Kạn | TP. Bắc Kạn, Chợ Đồn, Bạch Thông, Chợ Mới. | I | I | II | III | III | III | III |
| 37 | Thái Nguyên | TP. Thái Nguyên | II | II | III | III | IV | I | I |
| 38 | | Định Hóa | I | II | III | III | IV | I | I |
| 39 | Phú Thọ | Tân Sơn | I | II | III | IV | IV | IV | IV |
| 40 | | Phù Ninh | I | II | III | III | IV | I | I |
| 41 | | TP. Việt Trì | I | II | III | III | IV | IV | IV |
| 42 | Vĩnh Phúc | TP. Vĩnh Yên | II | II | III | III | IV | IV | IV |
| 43 | | Tam Đảo | I | I | I | II | III | I | I |
| 44 | Cao Bằng | TP. Cao Bằng | II | II | III | III | IV | IV | IV |
| 45 | | Bảo Lạc | III | IV | IV | IV | V | V | V |
| 46 | | Nguyen Bình | I | II | II | III | III | IV | IV |
| 47 | | Trùng Khánh | I | II | II | III | III | I | I |
| 48 | Lạng Sơn | Thất Khê | I | II | II | III | IV | IV | IV |
| 49 | | TP. Lạng Sơn | I | II | II | III | III | III | IV |
| 50 | | Mẫu Sơn | I | I | I | II | II | III | III |
| 51 | | Bắc Sơn | I | I | II | III | III | III | III |
| 52 | | Hữu Lũng | I | II | III | III | IV | IV | IV |
| 53 | | Đình Lập | I | II | II | III | III | IV | IV |
| 54 | Quảng Ninh | TP. Móng Cái | I | I | I | II | II | II | III |
| 55 | | Quảng Hà | I | I | II | II | III | III | III |
| 56 | | Tiên Yên | I | I | II | II | III | III | III |
| 57 | | Cô Tô | I | I | I | I | I | II | II |
| 58 | | TP. Cẩm phả | I | I | I | II | II | II | II |
| 59 | | TP. Hạ Long | I | I | II | II | III | III | III |
| 60 | | TP. Uông Bí | I | II | II | III | III | III | IV |
| 61 | Bắc Giang | Hiệp Hòa | I | II | II | III | III | III | III |
| 62 | | Lục Ngạn | II | II | II | III | IV | IV | IV |
| 63 | | Sơn Động | II | II | II | III | III | IV | IV |
| 64 | | TP. Bắc Giang | I | II | II | III | III | III | IV |
| 65 | Bắc Ninh | Bắc Ninh | I | II | III | III | IV | IV | IV |
| 66 | Hải Phòng | Kiến An | I | II | II | III | III | III | IV |
| 67 | | Đồ Sơn | I | I | II | II | III | III | III |
| 68 | | Bạch Long Vĩ | I | I | I | II | II | I | I |
| 69 | Hải Dương | Hải Dương | I | II | III | III | IV | IV | IV |

Đề nghị lực lượng Kiểm lâm, Chủ rừng và các lực lượng chức năng liên quan ở địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm túc công tác trực phòng cháy và chữa cháy rừng theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019

của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công điện số 905/CĐ-TTg ngày 01/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Công điện số 2547/CĐ-BNN-TCLN ngày 24/4/2023 về tăng cường các biện pháp cấp bách phòng cháy, chữa cháy rừng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn bản số 123/BNN-TCLN- ngày 09/01/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về tăng cường các biện pháp bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật, cháy rừng.

2. Dự báo sản xuất Lâm nghiệp

- Thu hái hạt các loài cây: Keo lá tràm, Keo tai tượng, Xà cừ, Vền vền;
- Thời tiết thuận lợi có thể trồng rừng vụ xuân hè và một số loài cây ăn quả;
- Chăm sóc rừng non mới trồng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Chi cục Kiểm lâm Vùng I;
- Cục Kiểm lâm (b/c);
- Lưu VT, NV2.

